

CHÍNH PHỦ**CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 73/2006/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2006***NGHỊ ĐỊNH****Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề là những hành vi vi phạm các

quy định của pháp luật về dạy nghề do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý nhưng không phải là tội phạm và theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề.

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc ký kết có quy định khác thì áp dụng theo quy định của điều ước đó.

3. Cá nhân là người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề thì bị xử lý theo các quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm hành chính do mình gây ra, sau khi chấp hành quyết định xử phạt, phải xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý của người đó theo quy định của pháp luật.

5. Đối với hành vi vi phạm chế độ công vụ của cán bộ, công chức trong khi thi hành nhiệm vụ được giao trong hoạt động dạy nghề mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính phải có quyết định đình chỉ ngay việc vi phạm; mọi hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề khi có hành vi vi phạm hành chính được quy định tại Chương II Nghị định này. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề phải do người có thẩm quyền được quy định tại Mục I Chương III Nghị định này tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

3. Một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề chỉ bị xử phạt một lần. Một người, một tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử

phạt theo từng hành vi vi phạm. Nhiều người, nhiều tổ chức cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người, mỗi tổ chức vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả thích hợp.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng tự điều khiển hành vi của mình.

Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng trong việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện; đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề có liên quan đến tài chính, sở hữu trí tuệ, xây dựng, môi trường, nhà ở, đất đai, xuất bản, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh thì thời hiệu là hai năm; nếu quá thời hạn nói trên thì không xử phạt, nhưng vẫn áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 3 tháng kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính mới trong lĩnh vực dạy nghề hoặc cố tình trốn tránh, trì hoãn việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu nêu trên mà thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm

hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 6. Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề, nếu qua một năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 7. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền.

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt tương ứng với hành vi đó được quy định tại Chương II Nghị định này. Nếu hành vi vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt có thể giảm thấp hơn nhưng không được dưới mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu hành vi vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức phạt có thể tăng cao hơn nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau:

- a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động;
- b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- c) Trục xuất nếu là người nước ngoài.

3. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- b) Buộc đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động dạy nghề;
- c) Buộc hủy bỏ kết quả các môn thi hoặc chấm lại bài thi;

- d) Buộc thực hiện bổ sung các phần nội dung, chương trình đã bị cắt xén;
- đ) Buộc hủy bỏ quyết định sai, trái với quy định của cơ quan có thẩm quyền;
- e) Buộc khôi phục quyền lợi học tập cho người học, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng văn bằng, chứng chỉ; trả lại cho người học các khoản đã thu và chịu mọi chi phí cho việc hoàn trả do hậu quả hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- g) Buộc thu hồi văn bằng, chứng chỉ đã cấp trái phép;
- h) Buộc thu hồi, tiêu hủy hoặc chấm dứt sử dụng tài liệu, thiết bị dạy nghề do hành vi vi phạm hành chính gây ra;
- i) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam tài liệu, thiết bị dùng cho dạy nghề đã nhập khẩu trái phép do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

Chương II

CÁC HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC DẠY NGHỀ, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 8. Vi phạm quy định về thành lập và đăng ký hoạt động dạy nghề

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Làm mất quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhưng không trình báo với cơ quan có thẩm quyền;

b) Chậm đăng ký hoạt động dạy nghề hoặc đăng ký bổ sung, đăng ký thay đổi nghề đào tạo với cơ quan có thẩm quyền từ 3 tháng đến dưới 6 tháng, kể từ khi hết thời hạn bắt buộc phải đăng ký;

c) Mở lớp dạy nghề độc lập mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề khi cơ quan có thẩm quyền đã có quyết định thu hồi;

b) Không thông báo với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề khi thay đổi trụ sở chính của cơ sở dạy nghề trong phạm vi tỉnh, thành phố

hoặc không đăng ký lại hoạt động dạy nghề khi di chuyển trụ sở chính của cơ sở dạy nghề sang tỉnh, thành phố khác;

c) Chậm đăng ký hoạt động dạy nghề hoặc đăng ký bổ sung, đăng ký thay đổi nghề đào tạo với cơ quan có thẩm quyền từ 6 tháng trở lên, kể từ khi hết thời hạn bắt buộc phải đăng ký.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung nội dung quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động;

b) Mở cơ sở dạy nghề không đúng với quy định của nội dung quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập;

c) Báo cáo sai các điều kiện để được thành lập hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động;

d) Mua bán, chuyển nhượng, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thành lập trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thành lập trường cao đẳng nghề mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng không thời hạn quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Đình chi hoạt động đối với những cơ sở dạy nghề được thành lập hoặc hoạt động trái pháp luật quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều này;

b) Buộc trả lại cho người học các khoản đã thu và chịu mọi chi phí cho việc hoàn trả do hành vi quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này gây ra.

Điều 9. Vi phạm quy định về hoạt động của cơ sở dạy nghề

1. Phạt tiền đối với hành vi không chấp hành quyết định đình chi hoạt động hoặc

giải thể cơ sở dạy nghề của cơ quan có thẩm quyền; tiếp tục hoạt động khi thời hạn hoạt động ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã hết hiệu lực hoặc tự ngừng hoạt động khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép gây thiệt hại cho người học với các mức phạt sau:

a) Từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng đối với trung tâm dạy nghề, trường trung cấp nghề hoặc cơ sở đào tạo trình độ nghề tương đương;

b) Từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với trường cao đẳng nghề hoặc cơ sở đào tạo trình độ cao đẳng nghề.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi đào tạo và cấp chứng chỉ nghề trái quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tổ chức đào tạo nghề khi chưa có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề;

b) Đào tạo và cấp bằng nghề cao hơn trình độ đào tạo được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c) Đào tạo các ngành, nghề chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi lợi dụng danh nghĩa dạy nghề, truyền nghề để trục lợi, bóc lột sức lao động hoặc dụ dỗ, ép buộc người học nghề, tập nghề vào những hoạt động trái pháp luật quy định tại Điều 25 của Bộ luật Lao động đã được sửa đổi, bổ sung và Điều 20 của Luật Giáo dục mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng không thời hạn quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc trả lại cho người học các khoản đã thu và chịu mọi chi phí cho việc trả lại đối với hành vi quy định tại khoản 1 và thu hồi văn bằng, chứng chỉ đã cấp trái phép nói tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Buộc khôi phục quyền lợi học tập cho người học đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Vi phạm quy định về chương trình, nội dung và kế hoạch đào tạo

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi dạy không đủ số tiết hoặc nội dung kiến thức (quy thành số tiết), chương trình giảng dạy đã được quy định trong mỗi một đơn vị học tập được tích hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm giúp cho người học có năng lực thực hành một công việc của một nghề (sau đây gọi là mô đun) hoặc môn học với các mức phạt sau:

a) Phạt cảnh cáo khi vi phạm dưới 5% số tiết học quy định cho mỗi môn học hoặc mô đun;

b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi vi phạm từ 5 đến 10% số tiết học quy định cho mỗi môn học hoặc mô đun;

c) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi vi phạm từ 11 đến 15% số tiết học quy định cho mỗi môn học hoặc mô đun;

d) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi vi phạm từ 16 đến 20% số tiết học quy định cho mỗi môn học hoặc mô đun;

e) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi vi phạm từ trên 21% số tiết học quy định cho mỗi môn học hoặc mô đun.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi giảng dạy hoặc phổ biến những nội dung ngoài chương trình, giáo trình nhằm mục đích xuyên tạc nội dung dạy nghề nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm điều kiện thực hiện mô đun được quy định trong chương trình dạy nghề theo mô đun.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có thời hạn từ 3 đến 6 tháng nếu vi phạm lần đầu, tước quyền sử dụng không thời hạn nếu vi phạm lần thứ hai trở lên đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trục xuất nếu cá nhân vi phạm là người nước ngoài đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- a) Buộc thực hiện bổ sung các phần chương trình đã bị cắt xén đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) Buộc đình chỉ hoạt động giảng dạy đối với cá nhân có hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng tuyển sinh và thẩm quyền tuyển sinh

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi khai man hồ sơ tuyển sinh hoặc tiếp tay cho việc khai man hồ sơ tuyển sinh để được trúng tuyển.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về đối tượng, tiêu chuẩn tuyển sinh đào tạo ở trình độ sơ cấp nghề với các mức phạt sau:

- a) Phạt cảnh cáo khi tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 10 đến 20 người học;
- b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 21 đến 30 người học;
- c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 31 đến 40 người học;
- d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 41 người học trở lên.

3. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn tuyển sinh để đào tạo ở trình độ trung cấp nghề với các mức phạt sau:

- a) Phạt cảnh cáo khi tuyển vượt từ 5 đến dưới 10% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 5 đến 9 người học;
- b) Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 10 đến 20 người học;
- c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 21 đến 30 người học;
- d) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi tuyển vượt từ 21% đến

dưới 25% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 31 đến 40 người học;

d) Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi tuyển vượt trên 25% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 41 người học trở lên.

4. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn tuyển sinh đào tạo ở trình độ cao đẳng nghề với các mức phạt sau:

a) Phạt cảnh cáo khi tuyển vượt dưới 5% số lượng tuyển sinh được giao;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi tuyển vượt từ 5% đến dưới 10% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn dưới 10 người học;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi tuyển vượt từ 10% đến dưới 15% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 10 đến 20 người học;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi tuyển vượt từ 15% đến dưới 20% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 21 đến 30 người học;

d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng khi tuyển vượt từ 20% đến dưới 25% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 31 đến 40 người học;

e) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng khi tuyển vượt trên 25% số lượng tuyển sinh được giao hoặc tuyển sai đối tượng, tiêu chuẩn từ 41 người học trở lên.

5. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định của Nhà nước về tuyển sinh đi đào tạo ở nước ngoài hoặc ở cơ sở dạy nghề có yếu tố nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam theo mức từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho 01 người học tuyển sai nhưng mức phạt cao nhất không quá 60.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thông báo tuyển sinh khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thu nhận hồ sơ, tổ chức thi hoặc xét tuyển khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có thời hạn từ 3 đến 6 tháng nếu vi phạm lần đầu và tước quyền sử dụng không thời hạn nếu vi phạm lần thứ 2 trở lên đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Tịch thu hồ sơ, tài liệu khai man để được trúng tuyển đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc hủy bỏ kết quả trúng tuyển và các quyết định trái pháp luật đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này;

b) Buộc trả lại các khoản đã thu của người học và chịu mọi chi phí cho việc trả lại đối với hành vi quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về thi tuyển sinh vào các cơ sở dạy nghề và thi tốt nghiệp

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi gây rối hoặc đe dọa dùng vũ lực ngăn cản người quản lý thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi thực hiện nhiệm vụ.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi dùng vũ lực ngăn cản người quản lý thi, coi thi, chấm thi, phục vụ thi thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Thi thay người khác hoặc thi kèm để trợ giúp người khác;

b) Chuyển tài liệu, thông tin, đồ dùng trái phép vào phòng thi cho thí sinh đang dự thi;

c) Làm lộ bí mật số phách bài thi.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với các hành vi đánh tráo bài thi hoặc tiếp tay cho người khác đánh tráo bài thi của thí sinh.

5. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Ra quyết định thành lập bộ máy, phân công cán bộ đảm nhận công tác thi trái với quy chế áp dụng cho kỳ thi đó;

- b) Làm mất bài thi hoặc làm hư hỏng đến mức không thể chấm được bài thi;
- c) Chấm bài thi tuyển sinh, thi tốt nghiệp không đúng đáp án, thang điểm;
- d) Lập bảng điểm sai lệch với kết quả thi của thí sinh.

6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi viết thêm vào bài thi hoặc sửa chữa bài thi của thí sinh.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi làm lộ bí mật đề thi hoặc đề mất đề thi nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu các tang vật, phương tiện đã sử dụng thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 3, 4, 6 và 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi quy định tại khoản 4, điểm d khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ kết quả các môn thi đối với thí sinh có hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 và đối với thí sinh được hưởng lợi từ hành vi quy định tại các khoản 3, 4, 6 và 7 Điều này;

c) Buộc chấm lại bài thi đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 5 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về đánh giá kết quả học tập của người học trong các cơ sở dạy nghề

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ các quy định của cơ quan có thẩm quyền về đánh giá, làm sai lệch việc xếp loại kết quả học tập môn học, học phần, học kỳ, năm học.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc sửa chữa sai sót trong việc xếp loại kết quả học tập của người học đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Vi phạm quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ nghề

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện trách nhiệm cấp phát, chứng nhận bản sao hoặc xác nhận tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ nghề đã cấp;

b) Cấp văn bằng, chứng chỉ nghề với nội dung sai lệch gây trở ngại cho người được cấp.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ nghề không hợp pháp.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ dùng làm căn cứ để cấp phát và quản lý văn bằng, chứng chỉ nghề theo quy định;

b) Xác nhận sai sự thật hoặc làm sai lệch hồ sơ dẫn đến việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ nghề cho người không đủ tiêu chuẩn.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Vay mượn phôi bằng, chứng chỉ nghề;

b) Cấp văn bằng, chứng chỉ nghề trái phép;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm dẫn đến việc cấp văn bằng, chứng chỉ nghề trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Huy hoại hoặc làm sai lệch hồ sơ, sổ sách dùng làm căn cứ để cấp phát hoặc để xác nhận tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ nghề nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Sử dụng mẫu văn bằng, chứng chỉ nghề trái quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động có thời hạn từ 3 đến 6 tháng nếu vi phạm lần thứ hai và tước quyền sử dụng không thời hạn nếu tiếp tục tái phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Thu hồi văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2, điểm b và c khoản 4 Điều này;

b) Buộc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng văn bằng, chứng chỉ đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về sử dụng nhà giáo

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không ký kết hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng không đúng quy định với giáo viên, giảng viên hợp đồng, giáo viên, giảng viên thỉnh giảng.

2. Phạt tiền đối với hành vi sử dụng giáo viên, giảng viên không đủ tiêu chuẩn quy định với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giáo viên trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề không đủ tiêu chuẩn;

b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giảng viên cao đẳng nghề không đủ tiêu chuẩn.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giáo viên, giảng viên dạy vượt quá giờ chuẩn quy định được phép theo quy định tại Điều 69 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng, đầy đủ việc ký kết hợp đồng lao động với giáo viên, giảng viên hợp đồng, giáo viên, giảng viên thỉnh giảng theo quy định;

b) Buộc đình chỉ hoạt động giảng dạy đối với các giáo viên, giảng viên không đủ tiêu chuẩn trong các cơ sở dạy nghề quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trong các cơ sở dạy nghề

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định về bảo đảm tỷ lệ giáo viên, giảng viên cơ hữu trên tổng số giáo viên với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ giáo viên cơ hữu của trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề;

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm tỷ lệ giảng viên cơ hữu của trường cao đẳng nghề.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề có thời hạn từ 3 đến 6 tháng nếu tái phạm đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về sử dụng giáo trình, tài liệu dùng cho dạy nghề và mua bán, sử dụng thiết bị dạy nghề

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi mua sắm,

tiếp nhận tặng biếu và đưa vào sử dụng giáo trình, tài liệu dùng cho dạy nghề, thiết bị dạy nghề trái quy định, không bảo đảm chất lượng gây ảnh hưởng xấu đến giảng dạy, học tập.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc chấm dứt sử dụng, tiêu hủy hoặc thu hồi giáo trình, tài liệu dùng cho dạy nghề, thiết bị dạy nghề quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tiêu hủy giáo trình, tài liệu dùng cho dạy nghề, thiết bị dạy nghề đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này của cơ sở dạy nghề có yếu tố nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 18. Vi phạm quy định về trả công cho người học nghề, tập nghề, và học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học

1. Phạt tiền đối với hành vi vi phạm về trả công cho người học nghề, tập nghề không đúng quy định tại khoản 2 Điều 23 của Bộ luật Lao động đã được sửa đổi, bổ sung với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi vi phạm đối với dưới 10 người học nghề, tập nghề;

b) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 11 người đến 50 người học nghề, tập nghề;

c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 51 người đến 100 người học nghề, tập nghề;

d) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 101 người đến 500 người học nghề, tập nghề;

d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 501 người học nghề, tập nghề trở lên.

2. Đối với các hành vi vi phạm về thu học phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc trả lại cho người học nghề, tập nghề các khoản tiền công còn nợ (nếu có) và chịu mọi chi phí hoàn trả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về giao kết hợp đồng học nghề

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với các cơ sở dạy nghề theo quy định phải giao kết hợp đồng học nghề nhưng không giao kết hợp đồng hoặc giao kết hợp đồng không đầy đủ nội dung, đối tượng theo quy định của pháp luật với các mức phạt sau:

a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi vi phạm đối với dưới 10 người học nghề;

b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 10 người đến 50 người học nghề;

c) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 51 người đến 100 người học nghề;

d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 101 người đến 500 người học nghề;

đ) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 501 người học nghề trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện đúng, đầy đủ việc giao kết hợp đồng học nghề theo quy định.

Điều 20. Vi phạm quy định trong việc liên kết đào tạo, bồi dưỡng nghề

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nhận liên kết đào tạo những ngành, nghề không thuộc lĩnh vực được phép đào tạo của cơ sở ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc nhận liên kết đào tạo vượt quá khả năng bảo đảm về phòng học, cơ sở vật chất trang thiết bị dạy nghề.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi nhận liên kết đào tạo nghề mà không ký hợp đồng liên kết đào tạo hoặc nội dung hợp đồng không đúng thẩm quyền, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định về liên kết đào tạo nghề sau đây:

a) Nhận liên kết đào tạo không được phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Liên kết đào tạo với tổ chức, cá nhân không có tư cách pháp nhân về dạy nghề.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề có thời hạn từ 3 đến 6 tháng nếu tái phạm đối với hành vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện đúng, đầy đủ việc giao kết hợp đồng liên kết đào tạo theo quy định khi vi phạm khoản 2 Điều này;

b) Buộc chấm dứt việc liên kết đào tạo khi vi phạm các quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

c) Buộc trả lại cho người học nghề các khoản tiền đã thu (nếu có) và chịu mọi chi phí hoàn trả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ người học

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi thiếu trách nhiệm trong quản lý để xảy ra việc sửa chữa trái quy định phiếu điểm, hồ sơ của người học hoặc tài liệu liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học sai quy định, gây hậu quả ở các mức phạt sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng khi vi phạm đối với từ 1 đến 2 trường hợp người học;

b) Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng khi vi phạm đối với từ 3 đến 5 trường hợp người học;

c) Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 6 trường hợp người học trở lên.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ, sổ sách quản lý người học theo quy định của điều lệ nhà trường, quy chế hoạt động của trung tâm.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc lập lại đầy đủ hồ sơ, sổ sách quản lý người học theo đúng quy định đối với hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về hình thức kỷ luật buộc thôi học

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đối với hành vi làm trái quy định về kỷ luật buộc người học thôi học theo mức sau:

a) Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng khi vi phạm đối với từ 1 đến 2 người học;

b) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 3 đến 5 người học;

c) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 6 đến 10 người học;

d) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi vi phạm đối với từ 11 người học trở lên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ các quyết định sai trái, khôi phục quyền lợi học tập của người học đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về hoạt động tư vấn dạy nghề

Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về hoạt động tư vấn dạy nghề sau:

1. Tổ chức hoạt động tư vấn dạy nghề khi chưa đăng ký với cơ quan có thẩm quyền;

2. Không thông báo với cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tư vấn dạy nghề khi thay đổi trụ sở chính hoặc mở thêm chi nhánh của cơ sở trong phạm vi tỉnh, thành phố hoặc không đăng ký lại hoạt động tư vấn dạy nghề khi di chuyển trụ sở chính của cơ sở tư vấn sang tỉnh, thành phố khác.

Chương III**THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH****Mục 1****THẨM QUYỀN XỬ PHẠT**

Điều 24. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) có quyền xử phạt hành chính đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện khi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này với các hình thức, biện pháp sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b và đ khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) có quyền xử phạt đối với tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh khi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này với các hình thức, biện pháp sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 25. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề của thanh tra chuyên ngành về dạy nghề

1. Thanh tra viên dạy nghề đang thi hành công vụ có quyền xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này với các hình thức, biện pháp sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và h khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có quyền xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này với các hình thức, biện pháp sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và h khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

3. Chánh Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chánh Thanh tra Tổng cục Dạy nghề có quyền xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này với các hình thức, biện pháp sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa tương ứng với mỗi hành vi vi phạm quy định tại Chương II Nghị định này;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 Nghị định này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a và h khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

Điều 26. Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề

Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề quy định tại Điều 24 và khoản 2, khoản 3 Điều 25 Nghị định này vắng mặt thì cấp phó được ủy quyền có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 27. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề thuộc thẩm

quyền xử lý của nhiều người, nhiều cơ quan quản lý nhà nước thì việc xử phạt do người hoặc cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

2. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định này là thẩm quyền đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

3. Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện cùng lúc nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 42 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Thẩm quyền trục xuất người nước ngoài vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề được quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 21/2001/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

5. Trường hợp xét thấy hành vi vi phạm pháp luật về dạy nghề có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 62 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Mục 2

THỦ TỤC XỬ PHẠT

Điều 28. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề

1. Việc lập biên bản, quyết định xử phạt phải tuân theo quy định tại các Điều 19, 20 và 21 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Việc phạt tiền, thu nộp tiền phạt và chế độ quản lý tiền phạt thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Thủ tục tước quyền sử dụng quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 11 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP

ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

4. Thủ tục tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề thực hiện theo Điều 60, Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 31 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 29. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề

1. Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày lập biên bản, người có thẩm quyền phải ra quyết định xử phạt; nếu có nhiều tình tiết phức tạp thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không được quá ba mươi ngày. Hình thức và nội dung quyết định xử phạt thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 56 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Quyết định xử phạt có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ trường hợp trong quyết định xử phạt quy định ngày có hiệu lực khác.

Điều 30. Chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại Điều 65 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Cách tính thời hạn được quy định tại Điều 9 Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề mà không tự nguyện chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế thi hành phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế. Thủ tục cưỡng chế thi hành được quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề của người có thẩm quyền quy định tại các Điều 24, 25 và 26 Nghị định này. Thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Thẩm quyền và thời hạn khiếu nại, giải quyết khiếu nại áp dụng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Việc khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm không làm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề.

2. Cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền những vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề của cá nhân, tổ chức khác; tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề của người có thẩm quyền xử phạt. Thẩm quyền, thời hạn và thủ tục giải quyết tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 32. Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề

Người bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực dạy nghề nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.
2. Bãi bỏ Điều 9 Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động.
3. Các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dạy nghề trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 35. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn việc thi hành Nghị định này.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng